

Bản án số: 208/2024/DS-ST
Ngày 19 – 7 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hụi, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư Văn phòng L1; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Chí L; địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Mỹ S, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày:

Ông L, bà S có tham gia hụi do bà H làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 19/02/2021 âm lịch, loại 5.000.000 đồng, mỗi

tháng khui một lần, có 37 phần, ông L và bà S tham gia 01 phần, hốt hụi nhưng sau đó đóng hụi không đầy đủ, nợ 10 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 phần = 50.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai mở ngày 01/3/2022 âm lịch, loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui hai lần, có 52 phần, ông L và bà S tham gia 01 phần, hốt hụi nhưng đóng hụi không đầy đủ, nợ 27 kỳ x 3.000.000 đồng x 01 phần = 81.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba mở ngày 30/5/2022 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui sáu lần, có 75 phần, ông L và bà S tham gia 01 phần, hốt hụi nhưng sau đó đóng hụi không đầy đủ, nợ 8 kỳ x 1000.000 đồng x 01 phần = 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư mở ngày 20/10/2022 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui sáu lần, có 75 phần, ông L và bà S tham gia 01 phần, hốt hụi nhưng sau đó đóng hụi không đầy đủ, nợ 30 kỳ x 1000.000 đồng x 01 phần = 30.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm mở ngày 20/11/2022 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui sáu lần, có 75 phần, ông L và bà S tham gia 01 phần, hốt hụi nhưng sau đó đóng hụi không đầy đủ, nợ 42 kỳ x 1000.000 đồng x 01 phần = 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, ở các lần đóng hụi của 6 dây hụi trên thì ông L và bà S còn nợ lại 28.500.000 đồng. Tổng số tiền ông L và bà S nợ tiền hụi là 239.500.000 đồng, ông L và bà S có trả được 6.000.000 đồng, còn nợ lại 233.500.000 đồng.

Ông L và bà S có vay bà H số tiền 150.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3.000.000 đồng/tháng. Khi vay đến nay ông L và bà S đóng lãi không đầy đủ nhưng có trả được số tiền vốn 26.000.000 đồng, còn nợ lại 124.000.000 đồng.

Hai bên có chốt biên nhận nợ vào ngày 01/4/2023 âm lịch, ông L và bà S nợ tiền hụi và tiền mượn tổng là 383.000.000 đồng. Cấn trừ tiền hụi trả 6.000.000 đồng và tiền mượn trả 26.000.000 đồng còn nợ là 357.500.000 đồng

Nay bà Nguyễn Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Chí L và bà Nguyễn Mỹ S trả lại số tiền hụi và vay là 357.500.000 đồng (trong đó tiền hụi là 233.500.000 đồng, tiền vay là 124.000.000 đồng).

** Bà Nguyễn Mỹ S trình bày:*

Bà S thống nhất toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn bà có tham gia các phần hụi, ngày mở hụi và hốt hụi, số tiền hụi còn nợ lại tổng số tiền 233.500.000 đồng như giấy chốt nợ hụi ngày 01/4/2023 âm lịch. Đối với số tiền vay, cách nay khoảng 2 năm, không nhớ rõ ngày tháng, bà có hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng. Số tiền 50.000.000 đồng thì vay sau này cách nay khoảng 1 năm, cả hai khoản vay đều không làm biên nhận, lãi suất của số tiền vốn vay 150.000.000 đồng là 4.500.000 đồng/tháng, đã đóng lãi đầy đủ đến nay. Bà có trả cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng là đúng. Nay do hoàn cảnh khó khăn làm ăn thất bại nên bà xin trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng, số tiền lãi đã đóng bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Đối với phần nợ trên do bà tự làm, tự vay ông L không trực tiếp và không biết, ông L biết bà tham gia hụi nhưng không biết bà hốt

hội làm gì, nay bà làm nợ nhưng ông L cũng đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà trả nợ và yêu cầu được trả dần.

** Đối với ông Nguyễn Chí L:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L hợp lệ nhưng ông L không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ y yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà S đồng ý trả nợ nhưng yêu cầu được trả dần. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L và bà S cùng có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 357.500.000 đồng, trong đó nợ hội là 233.500.000 đồng, tiền vay là 124.000.000 đồng. Do ông L và bà S tồn tại mối quan hệ hôn nhân, kinh tế vợ chồng vẫn làm chung căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc trách nhiệm ông L và bà S trả cho bà H số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hiện khởi kiện yêu cầu ông L, bà S có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau trả lại số tiền vay và hội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hội và vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

[3] Xét nội dung vụ án thấy rằng:

[3.1] Bà Hiện với bà S có giao dịch hội với nhau theo các danh sách hội (BL 01-04), theo đó bà H làm chủ hội và hưởng hoa hồng, bà S là hội viên. Quá trình giao dịch hội, bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, chung hội đầy đủ khi bà S hốt hội. Tuy nhiên, bà S lại không thực hiện nghĩa vụ của hội viên, không góp lại các phần hội đã hốt cho chủ hội. Ngoài ra, bà S còn vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng, sau đó bà S có ký biên nhận thống nhất chốt tiền hội là 233.500.000 đồng và tiền vay 150.000.000 đồng (BL 05). Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hội đã mãn nhưng bà S đã vi phạm nghĩa vụ đóng hội, bà H phải xuất tiền ra góp hội thay cho bà S để chung hội cho các hội viên khác và các bên cũng đã làm biên nhận chốt nợ hội với nhau.

[3.2] Đối với lãi suất tiền vay đã trả, bà H cho rằng bà S trả lãi không đầy đủ, bà S cho rằng trả lãi đầy đủ, các bên không đưa ra được cơ sở chứng minh và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi đã đóng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định.

[3.3] Xét về trách nhiệm trả nợ: Ông L đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà H nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bà S và ông L có mối quan hệ vợ chồng, chung sống hơn 20 năm, từ trước đến nay vợ chồng đều làm ăn buôn bán kinh tế chung. Đồng thời bà H và bà S đều xác định việc bà S tham gia hụi ông L biết, bà S tham gia hụi và vay tiền mặc dù để phục vụ làm ăn của bản thân không cho ông L biết nhưng mục đích của bà cũng để có thêm thu nhập, tạo thêm kinh tế cho gia đình nhưng không may bà S làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, khi bà S nợ nhiều thì ông L vẫn chấp nhận cùng bà trả nợ cho bà H. Do đó, cần buộc bà S và ông L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H là phù hợp.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà S đều thống nhất bà S đã trả số tiền hụi 6.000.000 đồng còn lại 233.5000.000 đồng và trả số tiền vốn vay 26.000.000 đồng còn lại 124.000.000 đồng, việc đối trừ số tiền đã trả là phù hợp nên cần buộc ông L và bà S trả cho bà H tổng số tiền hụi và vay còn lại là 357.500.000 đồng đúng theo quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn ông L, bà S phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 17.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 463, khoản 1 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Mỹ S và ông Nguyễn Chí L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Mỹ H số tiền hụi và vay là 357.500.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó tiền hụi là 233.500.000 đồng và tiền vốn vay là 124.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Chí L và bà Nguyễn Mỹ S phải chịu 17.875.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

2.2. Bà Nguyễn Mỹ H không phải chịu, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.938.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001313 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc

